

PHỤ LỤC
NỘI DUNG SO SÁNH GIỮA NGHỊ QUYẾT SỐ 96/2017/NQ-HĐND
VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THAY THẾ

STT	Nội dung	Nghị quyết số 96/2017/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	So sánh, thuyết minh
1	Căn cứ pháp lý	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; - Luật Ban hành VBQPPL năm 2015; - Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 320/2016/TT-BTC.	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Luật Ban hành VBQPPL năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; - Luật sửa đổi Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2025; - Nghị định số 154/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 65/2026/TT-BTC.	Hầu hết căn cứ pháp lý của Nghị quyết số 96/2017/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Đồng thời từ ngày 01/7/2026 thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và thành lập thành phố Đồng Nai theo Nghị quyết số 30/2026/QH16 nên cần ban hành Nghị quyết thay thế để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật.
2	Đối tượng áp dụng	Được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết: a) Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân. b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất. c) Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.	Được quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo: a) Cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác cơ yếu; thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc được phân công trực tiếp giúp việc cho hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân. b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố	Kế thừa các nhóm đối tượng của Nghị quyết số 96/2017/NQ-HĐND; cập nhật theo Điều 38 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP; bổ sung viên chức và người làm công tác cơ yếu; bảo đảm thống nhất với quy định hiện hành.

		d) Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân. đ) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân. c) Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; người làm công tác cơ yếu; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân. d) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác cơ yếu được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	
3	Mức chi cho Người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chưa hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề (cấp tỉnh)	120.000 đồng/người/ngày	200.000 đồng/người/ngày	Thực hiện theo khoản 1 Điều 4 Thông tư số 65/2026/TT-BTC thống nhất mức 200.000 đồng/người/ngày.
4	Mức chi cho Người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đang	96.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày	Thực hiện theo khoản 1 Điều 4 Thông tư số 65/2026/TT-BTC quy định 150.000 đồng/người/ngày.

	hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề (cấp tỉnh)			
5	Mức chi cho Người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chưa hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề (cấp huyện, cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập)	100.000 đồng/người/ngày	200.000 đồng/người/ngày	Theo khoản 1 Điều 4 Thông tư số 65/2026/TT-BTC, mức bồi dưỡng được xác định theo nhóm đối tượng, không còn theo cấp hành chính. Thống nhất mức 200.000 đồng/người/ngày; phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.
6	Mức chi cho Người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đang hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề (cấp huyện, cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập)	80.000 đồng/người/ngày	150.000 đồng/người/ngày	Theo khoản 1 Điều 4 Thông tư số 65/2026/TT-BTC, thống nhất mức 150.000 đồng/người/ngày, không còn phân biệt theo cấp hành chính.
7	Mức chi cho đối tượng: - Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an	60.000 đồng/người/ngày	100.000 đồng/người/ngày	Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư số 65/2026/TT-BTC, các đối tượng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 38 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP được hưởng 100.000 đồng/người/ngày

	ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân. - Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh			
8	Cơ sở xác định mức bồi dưỡng	Xác định theo cấp hành chính (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	Xác định theo nhóm đối tượng thực hiện nhiệm vụ theo Điều 38 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 65/2026/TT-BTC	Thông tư số 65/2026/TT-BTC không còn quy định mức theo cấp hành chính mà theo nhóm đối tượng quy định tại Điều 38 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP.
9	Mô hình tổ chức chính quyền địa phương	Ban hành trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương 03 cấp (tỉnh, huyện, xã)	Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2026	Từ ngày 01/7/2026 cấp huyện chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 và Nghị quyết số 30/2026/QH16; do đó việc phân biệt mức bồi dưỡng theo cấp hành chính không còn phù hợp.
10	Nguồn kinh phí thực hiện	Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành	Theo khoản 2 Điều 2 Thông tư số 65/2026/TT-BTC: sử dụng dự toán ngân sách được giao, nguồn thu hoạt động sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác	Thực hiện theo Điều 5 Thông tư 320/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 65/2026/TT-BTC và Luật NSNN 2025; không phát sinh cơ chế tài chính mới. Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.